TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:108/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Cao Quý
2. Ông Lương Thanh Hải

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải Vân-Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa*

Ông: Hà Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, Sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, Thanh Hóa.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn L, Sinh năm: 1975

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bá Thước do ông Nguyễn Văn T – Phó giám đốc chi nhánh đại diện. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2022, bản tự khai nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh L do hai gia đình mai mối và tổ chức cưới theo phong tục tập quán từ năm 1994 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, quá trình chung sống gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L rượu chè, gái gú, không chịu khó làm ăn khiến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, đánh chửi lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên từ năm 2020 chị đã ly thân với anh L, từ đó không còn quan tâm đến nhau, nay xét thấy không còn tình cảm, không thể duy trì hôn nhân với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con: Anh chị có 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 07/7/1994 và Hà Thị Tuyết T, sinh ngày 12/12/1998. Các cháu đều đã thành niên, cháu Tuyết T đã lập gia đình nên chị không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh chị có 01 mảnh đất tại Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa trị giá khoảng 200.000.000đ do hai vợ chồng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 căn nhà cấp 4 ở trên đất. Chị yêu cầu chia đôi mảnh đất và không chia nhà vì nhà xây đã lâu.

Bị đơn anh Hà Văn L tại bản tự khai và quá trình hòa giải tại tòa án trình bày: Anh và chị L tự do tìm hiểu, tiến tới hôn nhân, gia đình 2 bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán năm 1994 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, kinh tế khó khăn chị L đi xuất khẩu lao động đến năm 2020 trở về thì chị thay đổi, không quan tâm tới gia đình như trước, vợ chồng sảy ra cãi vã nên chị L đã không chung sống với anh từ tết năm 2021 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh cũng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn.

- Về con: Anh và chị L có 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 07/7/1994 và Hà Thị Tuyết T, sinh ngày 12/12/1998. Các cháu đã thành niên nên anh không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ: Anh đồng ý với chị L về chia tài sản như chị L trình bày. Nhưng anh yêu cầu chia thêm công nợ gồm: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bá Thước số tiền 50.000.000đ, vay 4/3/2020 hạn trả 04/3/2023, anh vẫn trả lãi đều nhưng không trả được gốc, nợ ông chú Phạm Xuân Ke, trú tại Thôn L, xã T số tiền 15.000.000đ. Anh yêu cầu chia đôi số nợ trên.

Tại phiên hòa giải ngày 06/7/2022 các bên đương sự thống nhất rút phần yêu cầu chia tài sản và công nợ chung.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bá Thước do ông do ông Nguyễn Văn T – Phó giám đốc chi nhánh đại diện trình bày quan điểm do hiện nay anh L vẫn thực hiện đúng như hợp đồng và hợp đồng đến ngày 04/3/2023 mới hết hạn. Vì vậy ngân hàng rút yêu cầu trả nợ. Nếu như khách hàng vi phạm ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác thống nhất rút yêu cầu về trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu về ly hôn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227 của BLTTDS, tiến hành xét xử vắng bị đơn. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ để Hội đồng xét xử thảo luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, các Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147, các Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không công nhận quan hệ chung sống với nhau giữa chị Phạm Thị L và anh Hà Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 07/7/1994 và Hà Thị Tuyết T, sinh ngày 12/12/1998. Các cháu đều đã thành niên vì vậy miễn xét.

Về tài sản, công nợ: Chị Phạm Thị L và anh Hà Văn L, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B rút yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết nên đình chỉ yêu cầu không xem xét.

Về tạm ứng chi phí Thẩm định giá tài sản: Tòa án đã trả lại cho chị Lan

Về án phí: Chị L thuộc hộ cận nghèo năm 2022, chị đã có đơn đề nghị xin miễn tiền án phí. Vì vậy cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị L. Trả lại cho chị L 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn và chia tài sản, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0008575 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L và anh L đều có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện B, Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện B, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn có mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh L tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán năm 1994 nhưng không đi đăng ký kết hôn, anh chị sống với nhau hạnh phúc có 02 con chung. Quá trình chung sống sau này phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ tết năm 2021 chị L đã không về chung sống với anh L, anh chị ly thân từ đó cho đến nay, quá trình làm việc tại tòa án cả chị L và anh L đều xác định tình cảm không còn nên cùng đồng ý ly hôn. Xét nguyện vọng của anh chị là chính đáng. Căn cứ điểm b, c điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ chung sống với nhau giữa chị L và anh L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 07/7/1994 và Hà Thị Tuyết T, sinh ngày 12/12/1998. Các cháu đều đã thành niên vì vậy không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh L, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B rút yêu cầu, không đề nghị tòa án giải quyết. Vì vậy đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản và công nợ chung trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị L thuộc hộ cận nghèo năm 2022, chị đã có đơn đề nghị xin miễn nộp tiền án phí. Trả lại cho chị L 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn và chia tài sản sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008575 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện. Về lệ chí, chi phí tố tụng đã trả lại số tiền tạm ứng chi phí Thẩm định giá tài sản cho chị L theo biên bản giao nhận vào ngày 28/7/2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 266, 273, 275 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống với nhau giữa chị L và anh L là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 07/7/1994 và Hà Thị Tuyết T, sinh ngày 12/12/1998. Các cháu đều đã thành niên.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh L, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B rút yêu cầu không đề nghị tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L thuộc hộ cận nghèo năm 2022 nên được miễn tiền án phí. Trả lại cho chị L 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn và chia tài sản sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008575 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Về lệ chí, chi phí tố tụng: Đã trả lại số tiền tạm ứng chi phí Thẩm định giá tài sản cho chị L.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Nga